

Số: /BC-STTTT

Đắk Nông, ngày tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Công tác thanh tra; phòng chống tham nhũng; giải quyết đơn thư và tiếp công dân quý 1 năm 2022 (Thời gian lấy số liệu từ ngày 01/01/2022 - 15/03/2022)

Thực hiện Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22/3/2021 của Thanh tra Chính phủ, quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo kết quả như sau:

PHẦN 1 CÔNG TÁC THANH TRA

I. Kết quả thực hiện

1. Thanh tra hành chính (số liệu tại các biểu số: 01/TTr, 02/TTr, 02/QLNN)

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra (Biểu số 01/TTr)

- Tổng số cuộc thực hiện trong kỳ: 01 cuộc

+ Quyết định số 01/QĐ-STTTT ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chánh Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông, Thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Nông;

+ Kết quả: Đang tiến hành thanh tra.

- Số cuộc triển khai từ các kỳ trước chuyển sang: 0 cuộc.

- Số cuộc theo kế hoạch: 0 cuộc.

- Số cuộc đột xuất: 0 cuộc.

b) Kết luận thanh tra (Biểu số 01/TTr)

- Tổng số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra: Không.

- Số đơn vị được thanh tra (đã ban hành kết luận thanh tra): Không.

- Phát hiện vi phạm: Không

+ Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, thuộc lĩnh vực; số tiền, đất, tài sản quy thành tiền được phát hiện có vi phạm: Không.

- Kiến nghị xử lý vi phạm: Không.

+ Xử lý về kinh tế: Không.

+ Xử lý trách nhiệm: Không.

- Kiến nghị hoàn thiện (thêm mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ) cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra: Không.

- Kiến nghị khác: Không.

c) Kết quả thực hiện kết luận thanh tra (Biểu số 02/TTr): Không.

- Số kết luận thanh tra phải thực hiện trong kỳ báo cáo: (tổng số; trong đó có số kết luận được kiểm tra trực tiếp);

- Tiến độ thực hiện kết luận: Số kết luận đã hoàn thành, số kết luận chưa hoàn thành việc thực hiện;

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Về kinh tế, về trách nhiệm (xử lý hành chính, chuyển cơ quan điều tra), về hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra.

d) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng (Biểu số G2/QLNN): Không

- Việc triển khai các cuộc thanh tra: Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra; số cuộc đã ban hành kết luận;

- Kết quả thanh tra, kiểm tra:

+ Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra;

+ Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra;

+ Kiến nghị xử lý hành chính, chuyển cơ quan điều tra; kiến nghị xử lý về kinh tế, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra (nếu có).

- Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra:

+ Tổng số kết luận thanh tra, kiểm tra trách nhiệm phải thực hiện;

+ Kết quả thực hiện các kiến nghị về trách nhiệm (hành chính, hình sự); về kinh tế, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra (nếu có).

2. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành (Biểu số 06/TTr, 07/TTr)

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ báo cáo

- Tổng số cuộc thực hiện: 0 cuộc.

- Số cuộc triển khai từ kỳ trước chuyển sang: Không.

- Số cuộc triển khai trong kỳ: 0 cuộc;

- Những lĩnh vực thanh tra, kiểm tra chủ yếu: Không

- Số cuộc đã ban hành kết luận: 0 kết luận.

- Số tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra: 0 tổ chức.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra: Không

- Số tổ chức, cá nhân vi phạm:

- Nội dung vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra:

+ Về kinh tế: Không.

+ Về xử lý vi phạm:

- Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành (đối với tổ chức, cá nhân);

- Số tiền xử phạt vi phạm hành chính (của tổ chức, của cá nhân);
- Xử phạt bằng hình khác (số tổ chức, cá nhân);
- Chuyển cơ quan điều tra xử lý (số vụ, số đối tượng):
- c) Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử phạt qua thanh tra, kiểm tra:
 - Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế: Không.
 - Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Không.
 - Số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu: Không.
 - Số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác: 0 tổ chức.
 - Xử lý hình sự: Số vụ, số đối tượng đã khởi tố: Không
- 3. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng (Biểu số 02/QLNN)
 - Số văn bản (quản lý, chỉ đạo) về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng mới được ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ: Không.
 - Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng được tổ chức; tổng số người tham gia: Không.

II. Nhận xét, đánh giá

1. Đánh giá về ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác thanh tra (về mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra; về thanh tra đột xuất, thanh tra lại, thanh tra chuyên đề; về công tác đôn đốc, xử lý sau thanh tra và những nội dung khác có liên quan): Không.
2. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng: Không.
 - Việc rà soát, chỉnh sửa, bãi bỏ, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng: Không.
 - Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng: Không.
 - Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, người lao động trong cơ quan thanh tra; hợp tác quốc tế về công tác thanh tra (nếu có): Không.
 - Thực hiện chế độ thông tin báo cáo phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành: Thực hiện theo đúng quy định.

3. Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra: Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông bám sát Quyết định số 136/QĐ-STTTT ngày 21/12/2021 của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022.

4. Nguyên nhân của những ưu điểm, của tồn tại, hạn chế, khuyết điểm (chủ quan, khách quan): Không.

III. Phương hướng nhiệm vụ trong thời kỳ tiếp theo

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, cung cấp thuê bao di động trả trước và việc chuẩn hóa thông tin (theo Kế hoạch được phê duyệt năm 2022).

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; Thực hiện các công việc đột xuất theo yêu cầu của Thanh tra Bộ; Giám đốc Sở giao.

IV. Kiến nghị và đề xuất: Không.

PHẦN 2

CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO; TIẾP CÔNG DÂN

I. Tình hình khiếu nại, tố cáo

1. Tình hình chung

- Tình hình khiếu nại, tố cáo trong kỳ báo cáo không có biến động.
- Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh một số hành vi như: Chia sẻ, truyền đưa, tán phát các thông tin từ các nguồn không chính thức, thông tin thiếu kiểm chứng, thông tin có chứa nội dung xúc phạm danh dự nhân phẩm của cá nhân tổ chức, thông tin cá nhân của người khác sai mục đích lên mạng xã hội.

a) Về khiếu nại: Không có biến động.

b) Về tố cáo: Tình hình tố cáo so cùng kỳ báo cáo không có biến động.

2. Nguyên nhân của tình hình khiếu nại, tố cáo

- Chủ quan: Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật không được thường xuyên, chưa truyền tải đến tất cả các đối tượng trên địa bàn tỉnh về kiến thức và các quy định của pháp luật liên quan đến mạng xã hội.

- Khách quan: Một bộ phận công dân không nắm bắt được các quy định của pháp luật.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

1. Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD, 02/TCD)

a) Kết quả tiếp công dân

- Tổng số lượt tiếp/ số người được tiếp: 02 lượt /02 người.
- Số vụ việc (tiếp lần đầu, tiếp nhiều lần): 02 vụ tiếp lần đầu.
- Số đoàn đông người được tiếp (số đoàn, số người, tiếp lần đầu, tiếp nhiều lần): Không.

- Thủ trưởng (trực tiếp và ủy quyền); Cơ quan, đơn vị tiếp công dân: Thanh tra Sở.

b) Phân loại đơn, vụ việc qua tiếp công dân

b.1. Phân loại theo nội dung (tổng số đơn, số vụ việc):

+ Khiếu nại: Không.

+ Tố cáo: Không.

+ Phản ánh, kiến nghị: 02 đơn / 02 vụ việc.

b.2. Phân loại theo thẩm quyền giải quyết:

+ Thuộc thẩm quyền (số đơn, số vụ việc): 1 đơn/ 1 vụ việc.

+ Không thuộc thẩm quyền (số đơn, số vụ việc): 1 đơn /1 vụ việc.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu số 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD)

Gồm đơn nhận được qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (người viết đơn gửi qua dịch vụ bưu chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến theo quy định,...)

a) Tổng số đơn:

- Kỳ trước chuyển sang: 0 đơn.

- Tiếp nhận trong kỳ: 8 đơn.

- Số đơn đã xử lý/ Tổng số đơn tiếp nhận: 8 đơn đã xử lý / 8 đơn tiếp nhận.

- Số đơn, số vụ việc, đủ điều kiện xử lý: 01 đơn/ 01 vụ việc, đủ điều kiện xử lý.

b) Phân loại, xử lý đơn

b.1 Phân loại theo nội dung:

- **Số đơn, số vụ việc khiếu nại:** 01 đơn.

+ Ngày 17 tháng 01 năm 2022, Sở Thông tin và Truyền thông đã nhận phiếu chuyển đơn số 21/CBC-TTPC ngày 11/01/2022 của Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông, về việc chuyển đơn theo thẩm quyền. Đơn đề tố cáo, người gửi đơn: Bà Phan Thị Lĩnh; Địa chỉ: Tổ 1, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Nội dung đơn: Khiếu nại Báo Tiền phong, đã đăng bài viết có tựa đề “Phát tán đơn thư, coi chừng người có công trở thành có tội”, đăng lúc 07h:30’ ngày 03/8/2017 trên chuyên mục Pháp luật, Báo Tiền phong điện tử; Bà cho rằng nội dung bài Báo không đúng sự thật, làm tổn hại đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của bà; yêu cầu xử lý trách nhiệm của các cá nhân và tổ chức liên quan đến việc đăng tải bài báo nói trên.

Kết quả: Đơn không đủ điều kiện thụ lý giải quyết (Trả lời cho công dân tại Thông báo số 06/TB-STTTT ngày 24/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, thông báo không thụ lý đơn thư).

- **Số đơn, số vụ việc tố cáo:** 0 đơn/ 0 vụ việc.

- **Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh:** 7 đơn/7 vụ việc.

+ Ngày 04/01/2022 Sở Thông tin và Truyền thông nhận được, đơn kiến nghị phản ánh (đơn nhận qua đường tiếp công dân); Nội dung đơn, phản ánh lần 2 về Công văn số 01/CV-TTra ngày 10/11/2021 của Chánh Thanh tra Sở về việc đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung khiếu nại. Ông Trần Đức Nhuận cho rằng, việc Chánh Thanh tra Sở ban hành Công văn số 01/CV-TTra ngày 10/11/2021 là không đúng quy trình, trình tự, trái quy định của pháp luật; nguồn đơn qua đường tiếp công dân.

Kết quả: Vụ việc thuộc thẩm quyền; Ban hành công văn số 40/STTTT-TTr ngày 11/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, trả lời đơn kiến nghị, phản ánh của công dân gửi cho ông Trần Đức Nhuận.

+ Ngày 12 tháng 01 năm 2022. Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông nhận được đơn ghi ngày 10/01/2022 theo dấu bưu chính (Bưu điện văn hóa xã Quảng Tín) của bà Lương Thị Thu. Địa chỉ: Thôn Tân Lợi, Đăk Ru, Huyện Đăk Rláp, Tỉnh Đăk Nông; phản ánh, kiến nghị về hành vi của ông Trần Văn Bắc thuộc VNPT huyện Đăk Rláp; nguồn đơn: Bưu chính.

Kết quả: Không thụ lý đơn; Ban hành phiếu chuyển đơn kiến nghị, phản ánh số 57/STTTT-TTr ngày 14/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông gửi VNPT tỉnh Đăk Nông, đề được xem xét trả lời cho công dân.

+ Ngày 12/01/2022 Sở Thông tin và Truyền thông, nhận được đơn kiến nghị phản ánh của ông Phạm Văn Hảo; địa chỉ Thôn 10, xã Nam Bình Huyện Đăk Song; phản ánh về tài khoản facebook “Hoang Trường”, “Gia Nguyễn” đăng tải lên facebook hành vi đăng tải hình ảnh, thông tin cá nhân của người gửi đơn.

Kết quả: Đơn không đủ điều kiện thụ lý giải quyết (Thông báo số 04/TB-STTTT ngày 18/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, thông báo đơn không đủ điều kiện thụ lý giải quyết).

+ Ngày 24/01/2022, Sở Thông tin và Truyền thông nhận được, phiếu chuyển đơn số 43/PC-VPCQCSĐT(Đ2) của Văn phòng Cơ quan CSĐT, Công an tỉnh Đăk Nông. Chuyển đơn của bà Võ Thị Sao, đơn nhận qua đường Bưu chính. Đơn phản hồi thông tin Báo chí nêu. Nội dung: Phản ánh ông Trần Minh Thanh, chia sẻ, cung cấp thông tin cho Báo chí không đúng sự thật nhằm xúc phạm danh dự, uy tín của người gửi đơn tại bài Báo. Và phản ánh, Tạp chí ngày mới online đăng, phát bài viết “*Có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt, hủy hoại tài sản và cố ý gây thương tích*”, chứa nội dung không đúng sự thật nhằm xúc phạm danh dự, uy tín của người gửi đơn.

Kết quả: Không thụ lý đơn; Ban hành công văn số 132/STTTT-TTr ngày 26/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, trả lời và hướng dẫn công dân gửi đơn đến cơ quan khác để được giải quyết.

+ Ngày 10/02/2022, Sở Thông tin và Truyền thông nhận được, đơn phản ánh của bà Lê Thị Tuyết, phản ánh hành vi của bà Lê Trần Linh Ngọc đăng tải nội dung và hình ảnh cá nhân của người gửi đơn lên mạng xã hội facebook nhằm mục đích xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

Kết quả: Không thụ lý đơn; hướng dẫn người gửi đơn, gửi về Công an huyện Cư Jút để xem xét giải quyết tại Công văn số 188/STTTT-TTr ngày 16/02/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông.

+ Ngày 11/02/2022, Sở Thông tin và Truyền thông nhận được đơn phản ánh của bà Trần Thị Quyên (đơn nhận qua đường tiếp công dân), phản ánh về hành vi của tài khoản facebook “Nam Hạo” đăng thông tin hình ảnh cá nhân của người gửi đơn lên mạng xã hội.

Kết quả: Không thụ lý đơn (nội dung đơn không có danh tính của người bị phản ánh; đã trả lời cho công dân tại Công văn số 01/CV-TTr ngày 20/2/2022).

+ Ngày 28/02/2022, Sở Thông tin và Truyền thông nhận được Công văn số 191/CBC-TTPC ngày 24/02/2022 của Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông, về việc chuyển đơn của bà Phan Thị Lĩnh. Nội dung: Phản ánh, Báo điện

từ Tiền phong đăng bài viết: **“Phát tán đơn thư, coi chừng người có công trở thành người có tội”** ngày 3/8/2017 có thông tin không đúng sự thật, gây ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của công dân.

Kết quả: Không thụ lý đơn, tại Công văn số 296/STTTT-TTr ngày 9/3/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, trả lời đơn của công dân.

b.2. Phân loại theo tình trạng giải quyết

- + Số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 08 đơn /08 vụ việc.
- + Số đơn, số vụ việc đang giải quyết; 0 đơn / 0 vụ việc.
- + Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết: 0 đơn / 0 vụ việc.

c) Kết quả xử lý đơn

- Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền: 1 đơn / 1 vụ việc.
- Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 7 đơn /7 vụ việc (không đủ điều kiện thụ lý giải quyết).

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ)

Tổng số đơn, số vụ việc (khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) đã giải quyết/tổng số đơn, số vụ việc (khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết.

a) Kết quả giải quyết khiếu nại (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ)

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 0 đơn/ 0 vụ việc.
- Tổng số đơn, số vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết: 0 đơn / 0 vụ việc.
- Tổng hợp quyết định giải quyết khiếu nại đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, chuyển cơ quan điều tra: Không.
- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc khiếu nại lần đầu, lần 2, việc chấp hành thời hạn giải quyết khiếu nại: Không.
- Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại: Số quyết định phải thực hiện, số quyết định đã thực hiện xong; qua thực hiện đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm, đã khởi tố: Không.

b) Kết quả giải quyết tố cáo (03/KQGQ, 04/KQGQ)

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết: Không.
- Tổng số đơn, vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết: Không.
- Tổng hợp kết luận nội dung tố cáo đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm: Không.
- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc tố cáo lần đầu, tố cáo tiếp, việc chấp hành thời hạn giải quyết tố cáo: Không.
- Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo: Số kết luận phải thực hiện, số kết luận đã thực hiện xong; số tiền, đất đã thu hồi cho nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm: Không.

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh (nếu có)

- Tổng số vụ việc: 1 đơn/ 01 vụ việc đủ điều kiện xử lý, cụ thể:

+ Ngày 04/01/2022 nhận được, đơn kiến nghị phản ánh (đơn nhận qua đường tiếp công dân); Nội dung đơn, phản ánh lần 2 về Công văn số 01/CV-TTra ngày 10/11/2021 của Chánh Thanh tra Sở về việc đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung khiếu nại. Ông Trần Đức Nhuận cho rằng, việc Chánh Thanh tra Sở ban hành Công văn số 01/CV-TTra ngày 10/11/2021 là không đúng quy trình, trình tự, trái quy định của pháp luật; nguồn đơn qua đường tiếp công dân.

Kết quả: Vụ việc thuộc thẩm quyền; Ban hành công văn số 40/STTTT-TTr ngày 11/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, trả lời đơn kiến nghị, phản ánh của công dân gửi cho ông Trần Đức Nhuận.

4. Bảo vệ người tố cáo (nếu có)

- Tổng số người được bảo vệ: Không.
- Trong đó: Số người được áp dụng biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc làm; số người được áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm: Không.

5. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo

(Chỉ áp dụng đối với Báo cáo chuyên đề về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đối với báo cáo định kỳ thì nội dung này được thể hiện tổng hợp trong phần quản lý nhà nước tại Mẫu số 01: Đề cương về nội dung công tác thanh tra)

a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không.

b) Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế, ban hành văn bản chỉ đạo điều hành và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

- Số văn bản ban hành mới, sửa đổi bổ sung, hủy bỏ: Không.
- Tập huấn tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo (số lớp, số người) : Không.

c) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm (tổng số cuộc, tổng số đơn vị được thanh tra, kiểm tra, số đơn vị có vi phạm), kiến nghị xử lý trách nhiệm (hành chính, chuyên cơ quan điều tra); đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý: Tổng số kết luận thực hiện, kết quả thực hiện (số tổ chức, cá nhân đã xử lý hành chính, khởi tố): Không.

III. Nhận xét, đánh giá

Được sự chỉ đạo Ban Giám đốc, Thanh tra sở thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh; giải quyết dứt điểm không để tình trạng tồn đọng đơn thư.

IV. Dự báo tình hình

Tình hình tố cáo, kiến nghị phản ánh: xử lý các vụ việc trên không gian mạng có chiều hướng gia tăng.

V. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong kỳ tiếp theo

- Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mọi Đảng viên, cán

bộ, công chức và nhân dân; Thực hiện chế độ tiếp công dân gắn với giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong các tầng lớp nhân dân, nhất là các chính sách pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân như Luật khiếu nại, Luật tố cáo... gắn với đẩy mạnh làm tốt công tác hoà giải ở cơ sở.

VI. Kiến nghị, đề xuất: Không

PHẦN 3

BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I. Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng (Số liệu tại các biểu: 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN)

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng.

- Lãnh đạo Sở đã quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện và tuyên truyền phổ biến các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng đến cán bộ Đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong Cơ quan như: Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tham nhũng; Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ; chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

- Thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên; Đồng thời triển khai xây dựng và ban hành các Kế hoạch số 11/KH-STTTT ngày 24/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư trước, trong và sau Tết Nguyên đán năm 2022; Ban hành Kế hoạch số 02/KH-STTTT ngày 11/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, kế hoạch

tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 04/KH-STTTT ngày 13/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, rà soát thủ tục hành chính năm 2022; Kế hoạch số 13/KH-STTTT ngày 26/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 tại Sở; Kế hoạch số 10/KH-STTTT ngày 24/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, công tác pháp chế trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông năm 2022;

c) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

- Kế hoạch phòng chống tham nhũng, kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách hành chính; kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng đều được quán triệt, phổ biến đến các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc; Hình thức tuyên truyền chủ yếu thông qua các họp giao ban các buổi sinh hoạt của tổ chức, đoàn thể... và trên hệ thống xử lý văn bản.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

- Thực hiện công khai chính sách, pháp luật trên Trang thông tin điện tử <http://stttt.daknong.gov.vn>

- Đối với tuyên dụng công chức, viên chức: Tổ chức thực hiện đúng các quy định.

- Đào tạo, bồi dưỡng: Việc triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng đã được thực hiện công khai, minh bạch về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, chế độ hỗ trợ, khuyến khích và quy trình thủ tục hồ sơ xét cử đi đào tạo, bồi dưỡng đào tạo, bồi dưỡng.

- Về công tác quy hoạch: Công tác quy hoạch được tổ chức thực hiện trên cơ sở đảm bảo công khai, dân chủ.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

- Thực hiện có hiệu quả chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan nhà nước; chi tiêu, mua sắm tài sản đúng chế độ, chính sách; thực hành quản lý tốt tài sản, tiết kiệm chi thường xuyên trên cơ sở đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị và tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan.

- Tiến hành rà soát lại các quyết định, quy chế, quy định có liên quan đến việc chi tiêu tài chính, công tác xây dựng cơ bản... để sửa đổi bổ sung, ban hành nhằm đáp ứng kịp thời nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Quán triệt thực hiện các quy tắc, chuẩn mực ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của CBCC trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ giữa công chức với doanh nghiệp và công dân.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn; Trong kỳ báo cáo số lượng công chức, viên chức chuyển đổi vị trí công tác: 2 trường hợp (Phó Chánh thanh tra Sở/ Phó Chánh Văn phòng Sở).

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

- Sử dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản VNPT iOffice, quản lý văn bản và điều hành trong nội bộ; 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính có kết nối mạng internet và sử dụng hộp thư mail công vụ trong trao đổi công việc (trừ máy tính soạn thảo trả lời các văn bản mật), góp phần giảm bớt các thủ tục và cắt giảm chi phí hành chính.

- Xây dựng và ban hành: Kế hoạch số 07/KH-STTTT ngày 14/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, kế hoạch áp dụng duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động; 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan thực hiện trả lương qua tài khoản; việc trả lương qua tài khoản đã góp phần minh bạch hóa một phần thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Ban hành Kế hoạch số 03/KH-STTTT ngày 13/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

- Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị có hiệu lực từ ngày 20/12/2020. Sở đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-STTTT, ngày 26/01/2021 Phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 của Sở Thông tin Truyền thông tỉnh Đắk Nông và triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 tại Công văn số 78/STTTT-TTra, ngày 27/01/2021.

- Ban hành công văn số 37/STTTT-VP ngày 11/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông, về nộp bản kê khai, thu nhập năm 2021 của người đứng đầu cơ quan; Thực hiện nộp bản kê khai, thu nhập về Thanh tra tỉnh theo quy định.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

Qua hoạt động kiểm tra nội bộ, các phòng, ban, trung tâm thuộc Sở chưa phát hiện trường hợp nào vi phạm để xử lý.

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán

Trong kỳ báo cáo chưa phát hiện trường hợp nào có hành vi tham nhũng để tiến hành xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: không

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được; không

- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng:

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính; không

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp: không

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu: Thực hiện nghiêm các quy định tại Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác: Không.

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng: Không.

4. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng

Vai trò giám sát của Công đoàn Sở, Ban thanh tra nhân dân và vai trò của cơ quan báo chí trong công tác PCTN tiếp tục được phát huy.

6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

a) Việc thực hiện Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

Thực hiện công tác báo cáo theo đúng quy định.

b) Kết quả thực hiện các hoạt động về nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong phòng, chống tham nhũng và các hoạt động hợp tác quốc tế khác về phòng, chống tham nhũng (nếu có): Không

II. Đánh giá tình hình tham nhũng

1. Đánh giá tình hình

- a) Tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý: Không.
- b) So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Không.

2. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...): Không.

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng: Không.

III. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

Công tác phòng, chống tham nhũng được Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông quan tâm chỉ đạo thực hiện. Các nội dung tại Kế hoạch thực hiện phòng, chống tham nhũng được triển khai thực hiện nghiêm túc, các mục tiêu nhiệm vụ về phòng, chống tham nhũng theo kế hoạch cơ bản được thực hiện. Qua triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng của cơ quan, cán bộ công chức và nhân viên cơ quan đã nhận thức và ý thức được trách nhiệm của mình trong việc thực thi các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng, góp phần có hiệu quả vào việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ chính trị của cơ quan.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp và kiến nghị, đề xuất

1. Phương hướng, nhiệm vụ

Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Kế hoạch năm 2022. Đồng thời triển khai thực hành kỷ cương, kỷ luật hành chính trong nội bộ. Thực hiện các quy định tại Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

2. Kiến nghị, đề xuất: Không.

Trên đây là Báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết đơn thư và phòng chống tham nhũng quý I năm 2022 của Sở Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc Sở (b/c);
- Trang TTĐT Sở TTTT;
- Lưu: VT, TTr.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Thương

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ ĐƠN QUA TIẾP CÔNG DÂN

(Thời gian lấy số liệu từ ngày 01/01/2022 - 15/03/2022)

(Kèm theo Báo cáo số:/BC-STTTT ngày /3/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông)

Đơn vị	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Tổng số vụ việc được tiếp	Phân loại theo nội dung						Phân loại theo thẩm quyền						Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyên đơn	Ghi chú		
			Khiếu nại		Tố cáo		Phản ánh, kiến nghị		Thuộc thẩm quyền		Không thuộc thẩm quyền							
			Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số vụ việc					
													Tổng	Hướng dẫn			Chuyên đơn	Đơn đốc giải quyết
MS	1=3+5+7=9+11	2=4+6+8=10+12	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
Tổng	2	2	0	0	0	0	2	2	1	1	1	1	1	0	0	0		

Biểu số: 01/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

(Thời gian lấy số liệu từ ngày 01/01/2022 - 15/03/2022)

(Kèm theo Báo cáo số:/BC-STTTT ngày /3/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông)

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
														Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
MS	1=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12+13 =14+15+16+17 =18+22	10	11	12	13	14	15	16	17	18 = 19+20+21	19	20	21	22 = 23+24+25	23	24	25	26
Tổng	8	0	0	0	0	6	2	8	1	1	0	0	1	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

(Thời gian lấy số liệu từ ngày 01/01/2022 - 15/03/2022)

(Kèm theo Báo cáo số:/BC-STTTT ngày /3/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý			Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
																					Tổng số	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+...+ 16=17+...+ 19=20+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24
Tổng	7	0	0	0	0	5	2	7	0	7	1	1	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0

Biểu số: 01/PCTN**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

(Thời gian lấy số liệu từ ngày 01/01/2022 - 15/03/2022)

(Kèm theo Báo cáo số:/BC-STTTT ngày /3/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	5
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	0
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	0
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	0
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	0
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0

13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	0
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	54
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	45
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	0
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0

	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	16
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	0
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
35.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0
35.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	0
	- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	vụ	0
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	0
	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	người	0
	Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán		

44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề nghị của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề nghị của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư	Người	0
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	0
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		

60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	0
XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XÃY RA THAM NHŨNG			
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
66.1	- <i>Khiển trách</i>	Người	0
66.2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người	0
66.3	- <i>Cách chức</i>	Người	0
XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	0
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	0
68.1	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	0
68.2	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người	0
68.3	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i>	Người	0
68.4	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i>	Người	0
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0

71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		0
73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
74	Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		0
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
75.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	0
75.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	0
76	Đất đai	m ²	0
76.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	0
76.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		0
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
78	Đất đai	m ²	0
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	0
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	0

83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	0
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0

Biểu số: 02/PCTN

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

(Thời gian lấy số liệu từ ngày 01/01/2022 - 15/03/2022)

(Kèm theo Báo cáo số:/BC-STTTT ngày /3/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1	Không				
2					
Tổng	Không				

Biểu số: 03/PCTN

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHỮNG(*)

(Thời gian lấy số liệu từ ngày 01/01/2022 - 15/03/2022)

(Kèm theo Báo cáo số:/BC-STTTT ngày /3/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
1	Không						
2							
Tổng số:	Không						